BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Tài chính - Ngân hàng **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**33**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng(*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		2
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		2
IV. Giáo dục thể chất(*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		2
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			**19**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**17**						
14	EC4501F	Nhập môn ngành	1						1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
5.2. Đại cương chung tự chọn			**2**						
22	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
23	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30					1
24	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					1
25	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					1
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**102**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**12**						
26	EC4001	Kinh tế vi mô	3	45					1
27	EC4002	Kinh tế vĩ mô	3	45			EC4001		3
28	EC4144	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	30					3
29	EC4008	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	30			EC5001		4
30	EC4003	Luật kinh tế	2	30					5
II. Kiến thức cơ sở ngành			**20**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**18**						
31	EC4010	Toán kinh tế	3	45					1
32	EC4009	Quản trị học	3	45					3
33	EC4005	Marketing căn bản	3	45					3
34	EC5001	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	3	30	30				4
35	EC4004	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	45					4
36	EC4006	Nguyên lý kế toán	3	45					4
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			**2**						
37	EC4256	Tâm lý học trong kinh doanh	2	30					5
38	EC4218N	Kỹ thuật đàm phán	2	30					5
39	EC4150N	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	30					5
40	EC4253N	Hành vi khách hàng	2	30					5
41	EC4131N	Quản trị bán hàng	2	30					5
42	EC5002	Kinh tế phát triển	2	30					5
III. Kiến thức chuyên ngành			**40**						

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**29**						
43	EC4109	Quản trị tài chính	3	45			EC4004		5
44	EC4135	Thị trường tài chính	3	45			EC4004		5
45	EC4103	Kế toán tài chính 1	3	45			EC4006		5
46	EC4242	Thanh toán quốc tế	3	45			EC4004		5
47	EC4240	Tài chính doanh nghiệp 1	3	45			EC4109		6
48	EC4221	Nghiệp vụ ngân hàng	3	45			EC4004 EC4109		6
49	EC4112	Thuế	3	45			EC4006		6
50	EC4139	Phân tích tài chính	2	30			EC4240		7
51	EC4137N	Thẩm định tín dụng	3	30	30		EC4004		7
52	EC4100	Kế toán ngân hàng	3	45			EC4006		6
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**11**						
3.2.1 Nhóm 1 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
53	EC4408	Công nghệ tài chính	3	45			AI4450 EC4004		6
54	EC4366	Mua bán và sáp nhập Doanh nghiệp	3	45					6
55	EC4110	Tài chính quốc tế	3	45			EC4002		6
56	EC4224	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	3	45			EC4109		6
3.2.2 Nhóm 2 (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			**2**						
57	EC4128	Lý thuyết bảo hiểm	2	30			EC4004		7
58	EC4132	Lập mô hình tài chính	2	15	30		EC4240		7
59	EC4241	Tài chính phát triển	2	30			EC4002		7
60	EC4264	Tài chính công ty đa quốc gia	2	30			EC4242		7
3.2.3 Nhóm 3 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
61	EC4364	Ứng dụng Blockchain trong lĩnh vực tài chính	3	30	30				7
62	EC4286	Đầu tư công	3	45					7
63	EC4265	Tài chính hành vi	3	45					7
64	EC4140	Marketing ngân hàng	3	30	30		EC4221		7
3.2.4 Nhóm 4 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			**3**						
65	EC4283	Thị trường bất động sản	3	30	30				9
66	EC4262	Tài chính doanh nghiệp 2	3	45			EC4240		9
67	EC4239	Tài chính công	3	45			EC4002 EC4004		9
68	EC4233	Quản trị ngân hàng thương mại	3	45			EC4221		9
IV. Kiến thức bổ trợ			**9**						
4.1. Kiến thức bổ trợ bắt buộc			**6**						
69	EC4346	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	3	45					8
70	EC4281	Khởi nghiệp	3	45			EC4005		7
4.2. Kiến thức bổ trợ tự chọn			**3**						
71	EC4230	Quản trị hành chánh văn phòng	3	45					9
72	EC4206	Giao tiếp kinh doanh	3						9
73	EC4145	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	3	45			EC4004		9
74	EC4147	Thương mại điện tử	3	45					9
IV. Khối kiến thức tập nghề nghiệp			**15**						
75	EC4405	Thực tế nghề nghiệp	3						4
76	EC4406	Thực hành đầu tư tài chính	3	25	20		EC4135 EC4139		9
77	EC4404	Thực tập cơ sở	3						7
78	EC4407	Thực tập tốt nghiệp	6						8
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
5.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
79	EC4297F	Khóa luận tốt nghiệp	6						8
5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
80	EC4225	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45			EC5001		8
81	EC4235	Quản trị rủi ro tài chính	3	45			EC4240		8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			108						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			15						